

Bản án số: 05/2019/DS-ST

Ngày 18/10/2019

“V/v *Tranh chấp về hợp đồng
vay tiền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân: 1. Trần Văn Minh

2. Trần Vi Tình .

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2019/TLST-DS ngày 16/5/2019 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/ QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Li, sinh năm: 1974; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Ngọc L, sinh năm: 1980 và ông Lê Văn N, sinh năm 1978; Địa chỉ: thôn C, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Bà L có mặt, ông N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2019 và bản tự khai ngày 16/5/2019, bà Đặng Thị Li trình bày: Vào ngày 09/11/2018 vợ chồng ông Lê Văn N và bà Bùi Thị Mỹ L có vay bà Li số tiền 160.000.000đồng để đáo nợ ngân hàng và hứa 01 tháng sau sẽ trả số tiền trên, trong quá trình vay mượn giữa các bên có thỏa thuận bằng miệng tiền lãi 01%/tháng. Đến nay vợ chồng ông N và bà L chưa trả nợ gốc và lãi cho bà Li, bà Li yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông N và bà L phải trả số tiền nợ gốc là 160.000.000đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 09/5/2019 là 9.600.000đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 169.600.000đồng.

Tại bản tự khai ngày 17/5/2019 vợ chồng ông Lê Văn N và bà Bùi Thị Mỹ L trình bày: Vợ chồng ông bà có vay bà Li số tiền là 160.000.000đồng với tiền lãi thỏa thuận là 01%/tháng và hẹn 01 tháng sau sẽ trả, nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả nợ được nên xin được trả dần đến tháng 5/2020 và xin không tính tiền lãi.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10/6/2019 các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: 01 giấy mượn tiền ngày 03/10/2018; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 sổ hộ khẩu và 01 bản tự khai.

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn đã giao nộp cho Tòa án để chứng minh: 01 bản tự khai của bà Bùi Thị Ngọc L và ông Lê Văn N; 01 giấy chứng minh nhân dân của ông Lê Văn N.

Tại biên bản hòa giải ngày 10/6/2019 bà L và ông N công nhận có nợ bà Li số tiền là 160.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 09/11/2018 với lãi 01%/tháng. Giữa các bên không thống nhất được thời gian và phương thức trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Bà Đặng Thị Li có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc bà Bùi Thị Ngọc L và ông Lê Văn N phải trả toàn bộ khoản nợ vay cùng với lãi suất. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập bà Bùi Thị Ngọc L và ông Lê Văn N tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng bà L và ông N không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó Tòa án tiến hành theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

2. Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa và các chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận vào ngày 03/10/2018 (âm lịch) là ngày 09/11/2018 (dương lịch) bà Bùi Thị Ngọc L và ông Lê Văn N có mượn của Đặng Thị Li số tiền là 160.000.000đồng và thỏa thuận 01 tháng sẽ trả lại, trong quá trình mượn tiền các bên có thỏa thuận tiền lãi 01%/tháng. Do bà L và ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà Li đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L và ông N trả nợ gốc và lãi.

Xét về hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hợp đồng có thỏa thuận kỳ hạn trả nợ, nhưng khi đến hạn trả nợ bà L và ông N không thực hiện việc trả gốc là vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng như đã thỏa thuận và vi phạm Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó việc bà Li yêu cầu Tòa án buộc bà L và ông N trả tiền nợ gốc là 160.000.000đồng là đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về yêu cầu tính lãi của bà Li thì xét thấy giữa các bên có thỏa thuận lãi xuất bằng miệng 01%/tháng nhưng không thể hiện trong giấy mượn tiền mà được bà L và ông N công nhận có thỏa thuận tiền lãi như trên. Giữa các bên thỏa thuận lãi 01%/tháng là chưa vượt quá 20%/năm đối với khoản tiền vay là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, việc bà Li yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 09/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/10/2019 là hoàn toàn đúng pháp luật phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi

được tính như sau: Nợ gốc 160.000.000đồng x lãi suất 01%/ tháng x 11 tháng 09 ngày = 18.080.000đồng.

Xét về quan hệ gia đình giữa bà Bùi Thị Ngọc L và ông Lê Văn N là vợ chồng và cả hai cùng ký tên vào giấy mượn tiền. Mục đích của việc mượn tiền là phục vụ cho lợi ích chung. Do đó, cần phải buộc là L và ông N có nghĩa vụ liên đới để thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung.

Từ những nhận định trên buộc bà Bùi Thị Ngọc L và ông Lê Văn N phải liên đới trả cho bà Đặng Thị L toàn bộ số nợ gốc là 160.000.000đồng, cộng với tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 18.080.000đồng. Tổng số tiền mà bà L và ông N phải trả cho bà Li là 178.080.000đồng.

3. Về án phí: Đặng Thị Li không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thị Ngọc L và ông Lê Văn N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Li.

Buộc bà Bùi Thị Ngọc L và ông Lê Văn N phải liên đới trả cho bà Đặng Thị Li toàn bộ số tiền nợ gốc là 160.000.000đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) cộng với tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 18.080.000 (mười tám triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng cộng 178.080.000đồng (một trăm bảy mươi tám triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận giữa các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Nếu không có sự thỏa thuận thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Li không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị Li số tiền tạm ứng án phí mà bà Li đã nộp là 4.240.000 đồng (bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004414 ngày 15/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Buộc bà Bùi Thị Ngọc L và ông Lê Văn N phải liên đới nộp 8.904.000đồng (tám triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 18/10/2019. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Ngọc Bình